

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2026/HS-ST
Ngày 14 - 7 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Khanh, bà Mai Thị Tám.
- Thư ký phiên tòa: Ông Ung Tuấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh, trụ sở số G Tỉnh lộ 8, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 394/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Đinh Thị Hữu H** (tên gọi khác: không); giới tính: nữ; sinh ngày 06 tháng 10 năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số 079172017094, cấp ngày 06 tháng 10 năm 2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: **số F Ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ấp D, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh)**; nơi ở hiện tại: **số C Ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh)**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đinh Văn T** và bà **Đinh Thị T1**; có chồng và 04 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

2. Họ tên: **Dương Thị Kim H1** (tên gọi khác: không); giới tính: nữ; sinh ngày 24 tháng 7 năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số 079185022905, cấp ngày 27 tháng 4 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: **Ấp H, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Dương Thanh L** và bà **Nguyễn Thị H2** (đã chết); có chồng và 01 con; tiền án: không; tiền sự:

không; nhân thân: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

3. Họ tên: **Trần Văn C** (tên gọi khác: **T2**); giới tính: nam; sinh ngày 05 tháng 3 năm 1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số 079066000687, cấp ngày 21 tháng 12 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: **số C Đường A, Ấp E, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn Đ** (đã chết) và bà **Lê Thị N** (đã chết); có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 3 năm 2025, do cần tiền tiêu xài và biết **Dương Thị Kim H1** có nhận bán số lô, số đề nên **Trần Văn C** bán số lô, số đề cho những người có nhu cầu, sau đó chuyển phôi đề cho **H1** để hưởng tiền chênh lệch. **H1** biết **Đinh Thị Hữu H** có nhận số lô, số đề nên tiếp tục chuyển các phôi đề do **C** giao cho **H** để hưởng hoa hồng đồng thời **H1** trực tiếp mua số lô, số đề của **H** để được thua bằng tiền.

Cức và **H1** thỏa thuận tỷ lệ giao nhận số lô, số đề đối với các đài **miền N và miền B**; Cức được hưởng phần chênh lệch giữa số tiền thu của người chơi với số tiền giao lại cho **H1**. **H1** và **H** thỏa thuận tỷ lệ thắng cược, **H1** được hưởng 24% trên tổng số tiền phôi đề chuyển cho **H** và được hưởng phần chênh lệch tiền trúng thưởng.

Ngày 06 tháng 4 năm 2025, tại nhà **số C Đường A, Ấp E, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ấp E, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh)**, **Trần Văn C** bán số lô, số đề cho khoảng 07 người chơi. Cức sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 7, gắn số thuê bao 0385188944 để chuyển các phôi đề cho **Dương Thị Kim H1** qua số thuê bao 0383222779. **H1** sử dụng điện thoại Iphone 14 Pro Max để nhận phôi đề của **C** rồi chuyển cho **Đinh Thị Hữu H** qua số thuê bao 0903074726, **H** sử dụng điện thoại Samsung Galaxy A55 5G để nhận phôi đề.

Đối với xổ số **miền N** ngày 06 tháng 4 năm 2025, tổng số tiền đánh bạc giữa **Trần Văn C** và **Dương Thị Kim H1** là 3.923.000 đồng, gồm 2.443.000 đồng tiền mua số lô, số đề và 1.480.000 đồng tiền trúng thưởng. Đối với xổ số **miền B** cùng ngày, tổng số tiền đánh bạc giữa **C** và **H1** là 6.580.000 đồng.

Ngoài việc nhận phôi đề của **C** để chuyển cho **H**, **Dương Thị Kim H1** còn trực tiếp mua số lô, số đề của **H**. Tổng số tiền đánh bạc giữa **H1** và **H** đối với xổ số **miền N** là 10.200.000 đồng, gồm 7.200.000 đồng tiền mua số lô, số đề và

3.000.000 đồng tiền trúng thưởng; đối với xổ số miền B là 32.035.000 đồng, gồm 9.045.000 đồng tiền mua số lô, số đề và 22.990.000 đồng tiền trúng thưởng.

Khoảng 18 giờ ngày 06 tháng 4 năm 2025, lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện hành vi bán số lô, số đề của Trần Văn C và mời C làm việc. Quá trình điều tra, dữ liệu điện tử được kiểm tra, trích xuất từ điện thoại của các bị cáo thể hiện nội dung giao nhận các phôi đề, phù hợp với lời khai và các tài liệu khác trong hồ sơ.

Số tiền thu lợi bất chính được xác định: Trần Văn C 151.680 đồng, Dương Thị Kim H1 5.851.320 đồng; Đinh Thị Hữu H 2.848.680 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, số IMEI 366572083996932, gắn số thuê bao 0385188944; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, số IMEI 358416188866210, gắn số thuê bao 0383222779; 01 điện thoại di động hiệu S A55 5G, số IMEI 350471129193362 và 357268439193360, gắn số thuê bao 0903074726; số tiền 3.500.000 đồng. Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha, biển số 59Y5-7172, số máy HC12E-2504747, số khung HC1208AY-004703, qua xác minh không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho Trần Văn C.

Tại Cáo trạng số 82/CT-VKSKV8 ngày 01 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Đinh Thị Hữu H, Dương Thị Kim H1 và Trần Văn C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Thị Hữu H, Dương Thị Kim H1 và Trần Văn C đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng.

Bị cáo Đinh Thị Hữu H và bị cáo Dương Thị Kim H1 trình bày khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tiền là một trong các hình phạt chính có thể áp dụng đối với người phạm tội đánh bạc. Trên cơ sở nhân thân, hoàn cảnh và điều kiện kinh tế của mình, hai bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính.

Để chứng minh khả năng thi hành hình phạt tiền, bị cáo Đinh Thị Hữu H xuất trình sổ tiết kiệm có số tiền gửi 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Bị cáo Dương Thị Kim H1 xuất trình sổ tiết kiệm và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất là tài sản chung của vợ chồng; bị cáo cam kết sử dụng phần quyền tài sản thuộc sở hữu của mình để thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Hai bị cáo tự nguyện đề nghị phong tỏa các khoản tiền gửi trong sổ tiết kiệm để bảo đảm thi hành hình phạt tiền và các nghĩa vụ tài sản theo bản án.

Khi được Hội đồng xét xử hỏi về điều kiện kinh tế và khả năng thi hành hình phạt tiền, bị cáo Trần Văn C trình bày bản thân làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản hoặc khoản tiền để bảo đảm thi hành hình phạt tiền. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, được ở ngoài xã hội để lao động, chăm lo gia đình và tự cải tạo; đề nghị được áp

dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc, nếu Hội đồng xét xử xử phạt tù, xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đinh Thị Hữu H** và bị cáo **Dương Thị Kim H1** mỗi bị cáo từ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đến 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng; áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Văn C** hình phạt cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng, tiền thu lợi bất chính và án phí đề nghị quyết định theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo lần lượt nói lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi là sai và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo có cơ hội được lao động phụ giúp gia đình, sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra; phù hợp với biên bản kiểm tra, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử được trích xuất từ các điện thoại di động, kết quả đối chất và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Có đủ cơ sở xác định ngày 06 tháng 4 năm 2025, **Trần Văn C** trực tiếp bán số lô, số đề cho người chơi rồi chuyển phôi đề cho **Dương Thị Kim H1** để hưởng tiền chênh lệch; **H1** tiếp tục chuyển các phôi đề cho **Đinh Thị Hữu H** để hưởng hoa hồng, đồng thời trực tiếp mua số lô, số đề của **H** nhằm mục đích được thua bằng tiền. Tổng số tiền dùng để đánh bạc giữa **C** và **H1** đối với xổ số **miền N** là 3.923.000 đồng, đối với xổ số **miền B** là 6.580.000 đồng; giữa **H1** và **H** đối với xổ số **miền N** là 10.200.000 đồng, đối với xổ số **miền B** là 32.035.000 (ba mươi hai triệu không trăm ba mươi lăm nghìn) đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh, lành mạnh. Đánh bạc dưới hình thức số lô, số đề là tệ nạn xã hội, làm phát sinh nhiều tiêu cực và có

thể dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật khác. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc được thua bằng tiền là trái pháp luật nhưng vì muốn thu lợi bất chính vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi, vai trò của từng bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Vai trò của từng bị cáo: Bị cáo **Dương Thị Kim H1** vừa nhận phôi đề từ **Trần Văn C**, chuyển cho **Đinh Thị Hữu H** để hưởng hoa hồng, vừa trực tiếp mua số lô, số đề của **H**; tham gia ở nhiều giai đoạn, là đầu mối giữa **C** và **H** và có số tiền thu lợi bất chính cao nhất nên giữ vai trò cao nhất. Bị cáo **Đinh Thị Hữu H** trực tiếp nhận phôi đề do **H1** chuyển và nhận đánh bạc với **H1** với tổng số tiền lớn; giữ vai trò sau **H1**. Bị cáo **Trần Văn C** trực tiếp bán số lô, số đề cho người chơi rồi chuyển cho **H1**, không biết **H1** tiếp tục chuyển cho **H**, số tiền thu lợi bất chính thấp nhất nên giữ vai trò thấp nhất trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Trần Văn C** phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong cùng ngày 06 tháng 4 năm 2025, bị cáo **Dương Thị Kim H1** và bị cáo **Đinh Thị Hữu H** đã thực hiện các hành vi đánh bạc độc lập đối với kết quả xổ số **miền N và xổ số miền B**, mỗi lần đều đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Trần Văn C** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo **Đinh Thị Hữu H** và bị cáo **Dương Thị Kim H1**: khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Đây là các hình phạt chính độc lập mà Tòa án được lựa chọn căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và khả năng thi hành án của từng người phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo **H** và bị cáo **H1** đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền và xuất trình tài liệu chứng minh điều kiện thi hành án. Bị cáo **H** có khoản tiền gửi tiết kiệm 70.000.000 đồng. Bị cáo **H1** có khoản tiền gửi tiết kiệm và có quyền tài sản trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng; bị cáo cam kết sử dụng phần quyền tài sản của mình để thi hành án. Hai bị cáo tự nguyện đề nghị phong tỏa khoản tiền gửi. Việc xuất trình tài sản và đề nghị phong tỏa không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng là căn cứ trực tiếp chứng minh hình phạt tiền có khả năng được thi hành thực tế, kịp thời, không mang tính hình thức.

Xét thấy pháp luật không quy định trong mọi trường hợp có tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” đều phải áp dụng hình phạt tù hoặc cải tạo không giam giữ, và hình phạt tiền được áp dụng trong trường hợp có đủ căn cứ thi

hành. Hình phạt tiền tác động trực tiếp đến quyền lợi kinh tế của người bị kết án; khi được bảo đảm bằng tài sản xác định và biện pháp phong tỏa, hình phạt vẫn có tính trừng trị, giáo dục và phòng ngừa. Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn phải nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, bị tịch thu phương tiện dùng vào việc phạm tội và phải chịu án phí. Việc áp dụng hình phạt tiền không phải là miễn hoặc giảm trách nhiệm hình sự, mà là áp dụng hình phạt theo đúng chế tài của điều luật quy định.

Bị cáo **H1** có vai trò kết nối và thu lợi bất chính cao hơn; bị cáo **H** tuy có vai trò sau **H1** nhưng trực tiếp nhận đánh bạc với tổng số tiền 42.235.000 đồng và cùng phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên”. Xét vai trò, số tiền đánh bạc, hậu quả pháp lý, các bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ và một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, mức phạt 70.000.000 đồng đối với mỗi bị cáo là mức cao trong khung hình phạt tiền, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo, đồng thời nằm trong mức 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng do đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly hai bị cáo khỏi xã hội hoặc áp dụng cải tạo không giam giữ; phạt tiền ở mức nêu trên đủ tác dụng trừng trị, giáo dục và phòng ngừa chung, đồng thời bảo đảm bản án được thi hành theo đúng quy định.

[7] Về hình phạt đối với bị cáo **Trần Văn C**: Bị cáo giữ vai trò thấp nhất, số tiền thu lợi bất chính thấp nhất; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định hoặc điều kiện thực tế để thi hành hình phạt tiền. Vì vậy, không có đủ căn cứ áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Việc không áp dụng hình phạt tiền không phải do hành vi của bị cáo nghiêm trọng hơn hai bị cáo còn lại mà do điều kiện thi hành án của từng người khác nhau. Đồng thời bị cáo xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc nếu bị xử phạt tù, bị cáo xin được hưởng án treo. Trường hợp này, xét tính chất, mức độ hành vi, vai trò và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết phải lựa chọn hình phạt tù, nên không đặt ra việc xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp, thể hiện sự nghiêm khắc và tạo điều kiện để bị cáo tiếp tục lao động, sửa chữa sai lầm dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình.

Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên có căn cứ miễn việc khấu trừ thu nhập. Tại thời điểm xét xử, bị cáo đã đủ 60 tuổi, thuộc người cao tuổi theo khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự, không buộc bị cáo thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng. Xử phạt bị cáo 06 tháng cải tạo không giam giữ là mức khởi điểm của loại hình phạt này, phù hợp với vai trò thấp nhất của bị cáo, hai tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo **H** và bị cáo **H1**, Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung bằng tiền. Đối với bị cáo **C**, xét bị cáo không có tài sản, thu nhập không ổn

định và đã được miễn khấu trừ thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

[9] Về xử lý vật chứng:

03 điện thoại di động là phương tiện các bị cáo sử dụng trực tiếp để nhận, chuyển phối đề và liên lạc trong quá trình đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là đúng quy định;

Số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng là tiền **Trần Văn C** thu được từ việc bán số lô, số đề, liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là đúng quy định.

Khoản thu lợi bất chính của từng bị cáo là lợi ích vật chất có được từ hành vi phạm tội nên buộc nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với xe mô tô Wave Alpha đã được trả cho bị cáo **Trần Văn C** do không liên quan đến hành vi phạm tội là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét là đúng quy định.

[10] Về biện pháp bảo đảm thi hành án: Các bị cáo **H** và **H1** tự nguyện đề nghị phong tỏa khoản tiền gửi để bảo đảm thi hành hình phạt tiền. Xét việc phong tỏa không vượt quá nghĩa vụ tài sản của từng bị cáo, cần tiếp tục duy trì cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ theo bản án; phần tiền lãi hoặc số tiền còn lại sau khi thi hành đủ nghĩa vụ được giải tỏa theo quy định.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, 2024, 2025)

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị Hữu H** 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, 2024, 2025);

Xử phạt bị cáo **Dương Thị Kim H1** 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, 2024, 2025);

Xử phạt bị cáo **Trần Văn C** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày

cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo **Trần Văn C** cho Ủy ban nhân dân xã P, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo **Trần Văn C** do bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định và hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Không buộc bị cáo thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng do bị cáo là người cao tuổi.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo **Đinh Thị Hữu H**, **Dương Thị Kim H1** và **Trần Văn C**.

- Căn cứ vào Điều 129 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Tiếp tục duy trì biện pháp phong tỏa đối với khoản tiền gửi đứng tên bị cáo **Đinh Thị Hữu H** tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 và khoản tiền gửi đứng tên bị cáo **Dương Thị Kim H1** tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 để bảo đảm thi hành hình phạt tiền và các nghĩa vụ tài sản theo bản án.

Giao phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 xử lý, thi hành các khoản tiền bị phong tỏa theo quy định. Sau khi các bị cáo thi hành đủ nghĩa vụ, khoản tiền lãi phát sinh hoặc phần tiền còn lại (nếu có) được giải tỏa và trả cho chủ sở hữu.

- Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7, số IMEI 366572083996932, gắn số thuê bao 0385188944;

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, số IMEI 358416188866210, gắn số thuê bao 0383222779;

01 (một) điện thoại di động hiệu S A55 5G, số IMEI 350471129193362 và số IMEI 357268439193360, gắn số thuê bao 0903074726;

Số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20 tháng 6 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và trại tạm giam C - phân trại tạm giam khu vực huyện C).

- Buộc bị cáo **Trần Văn C** nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 151.680 đồng (một trăm năm mươi một nghìn sáu trăm tám mươi đồng) vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo **Dương Thị Kim H1** nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 5.851.320 đồng (năm triệu tám trăm năm mươi một nghìn ba trăm hai mươi đồng) vào ngân sách nhà nước.

- Bị cáo **Đinh Thị Hữu H** nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.848.680 đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng) vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Bị cáo **Đinh Thị Hữu H**, **Dương Thị Kim H1**, **Trần Văn C** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ vào các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Các bị cáo **Đinh Thị Hữu H**, **Dương Thị Kim H1**, **Trần Văn C** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8;
- Phòng PV06 Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân, Công an xã Bà Điểm;
- Ủy ban nhân dân, Công an xã Phú Hòa Đông;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8;
- Thi hành án hình sự TAND khu vực 8;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang